

Bản án số: 36/2025/DS-PT

Ngày: 24 - 02 - 2025

V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 391/2024/QĐPT-DS, ngày 29 tháng 11 năm 2024, các quyết định về việc hoãn phiên tòa, tạm ngừng phiên tòa và thông báo về việc tiếp tục phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1).**

Trụ sở: Số A, P, phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Huỳnh Minh T** – Giám đốc Phòng G, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định số 865/QĐ-DAB-QTN ngày 12/5/2023,

quyết định số 425/2025/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2025 và quyết định số 18/2025/QĐ-TGD ngày 16/02/2025 của Tổng Giám đốc): có mặt

2. Bị đơn: Chị **Trương Thị H**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long: có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Đoàn Hoàng P**, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long: có mặt

3.2. Chị **Huỳnh Thị Kim C**, sinh năm 1982: vắng mặt

3.3. Bà **Trần Thị Hồng N**, sinh năm 1965: vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Do có kháng cáo của bị đơn là chị Trương Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (nay là Ngân hàng TNHH một thành viên S1) do người đại diện hợp pháp trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng) có ký thỏa thuận liên kết ngày 01/01/2018 với Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và Hội liên hiệp phụ nữ xã T nhằm phối hợp triển khai cho vay trả góp với khách hàng là cá nhân. Cùng ngày, Ngân hàng nhận được hồ sơ đăng ký vay vốn của Hội viên hội phụ nữ xã T, theo đó, Ủy ban nhân dân xã T ủy quyền cho chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã T và phân công cho chị Huỳnh Thị Kim C là chi hội trưởng phụ nữ ấp T thực hiện phát hồ sơ vay, tập hợp hồ sơ vay, đơn đốc, nhắc nhở trích nộp theo ủy quyền của người vay cho ngân hàng theo quy định và không được ủy quyền và phân công lại cho người thứ ba. Danh sách hội viên được duyệt vay vốn có chị Trương Thị H vay theo hạn mức cấp tín dụng 20.000.000đồng theo đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/01/2018, danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 02/02/2018, lãi suất trong hạn 12%, lãi suất quá hạn 18%/năm bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn), thời hạn vay 48 tuần từ ngày 02/02/2018 đến ngày 04/01/2019, mục đích vay tiêu dùng, biện pháp đảm bảo: không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình vay từ ngày 02/02/2018 đến ngày 20/3/2024, chị Trương Thị H chỉ thanh toán được số tiền vốn 9.313.689đồng, lãi trong hạn 1.737.410đồng. Tổng cộng 11.051.099đồng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu chị Trương Thị H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ tính đến ngày 20/3/2024 vốn 10.686.311đồng, lãi trong hạn 477.975đồng, lãi quá hạn 10.485.537đồng. Tổng cộng 21.649.823đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/3/2024 theo đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/01/2018, danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 02/02/2018 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Tại đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/01/2018 thì anh Đoàn Hoàng P là người bảo lãnh khoản vay cho chị Trương Thị H nhưng ngân hàng chỉ khởi kiện chị H trả nợ, không yêu cầu gì đối với anh P.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/8/2024 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Trương Thị H trình bày: Thừa nhận có tham gia vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua tổ chức vay vốn tổ phụ nữ Chi hội phụ nữ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2018 như đại diện ngân hàng trình bày, số tiền vay 20.000.000đồng, trả góp hàng tuần 465.000đồng/tuần, hàng tuần chị H góp cho bà Trần Thị Hồng N để chị N giao lại cho tổ trưởng là chị Huỳnh Thị Kim C để trả cho ngân hàng. Khi giao tiền cho chị C và bà N không có giấy tờ biên nhận nhưng bà N đã xác nhận chị H đã trả đủ cho ngân hàng nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/9/2024 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đoàn Hoàng P trình bày: Anh P có ký bảo lãnh để chị H vay ngân hàng thương mại cổ phần Đ, nhưng chị H đã trả đủ cho ngân hàng và Ngân hàng không yêu cầu anh trả nợ thì anh không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2024, chị Huỳnh Thị Kim C trình bày: chị C là Chi hội trưởng chi hội phụ nữ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và chị H là hội viên có tham gia vay vốn như Ngân hàng Đ trình bày và có thu vốn, lãi của chị H góp một thời gian nhưng sau đó không thu mà để cho ngân hàng trực tiếp thu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2024, bà Trần Thị Hồng N trình bày: Chị H có giao cho bà N số tiền vay ngân hàng để giao chị C đăng nợ cho ngân hàng, chị H giao vốn, lãi đầy đủ hàng tuần nhưng số tiền cụ thể thì không nhớ và các hóa đơn, sổ sách bị mất, không còn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 3 khoản 26; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc bị đơn chị Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 20/3/2024 là vốn 10.686.311 đồng (*Mười triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm mười một đồng*), lãi trong hạn 477.975đ (*Bốn trăm bảy mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi lăm đồng*), lãi quá hạn 10.485.537đ (*Mười triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng*). Tổng cộng 21.649.823đ (*Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm hai mươi ba đồng*) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/3/2024 theo đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/01/2018, danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 02/02/2018 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

2. Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 09/10/2024 bị đơn chị Trương Thị H có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị H không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 21.649.823 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Trương Thị H trình bày: Chi đồng ý trả tiền vốn, không đồng ý trả lãi do ngân hàng có lỗi không đến làm việc trực tiếp với chị H.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh P trình bày tham gia tố tụng về phía nguyên đơn.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất: Quan hệ hợp đồng vay tài sản, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay như án sơ thẩm xác định.

Vấn đề không thống nhất: Nguyên đơn cho rằng bị đơn thay đổi nơi cư trú không thông báo nhưng bị đơn không thừa nhận và cho rằng nhân viên ngân hàng chưa làm hết trách nhiệm. Chị H đồng ý trả vốn vay, không đồng ý trả lãi nhưng ngân hàng không đồng ý.

Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để thực hiện việc đối chất và thu thập chứng cứ theo yêu cầu của người kháng cáo. Tuy nhiên, chị Huỳnh Thị Kim C và bà Trần Thị Hồng H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành đối chất được.

Tại văn bản ngày 14/01/2025, Hội Liên hiệp phụ nữ xã T xác định: Ngân hàng không có xuống kết hợp với Hội phụ nữ để trao đổi giải quyết những khó khăn và giai đoạn đó, Ngân hàng không có liên hệ gì nên Hội phụ nữ cho rằng các bên đã giải quyết xong không cần đến Hội phụ nữ nữa. Nào ngờ thời gian hàng chục năm lại báo là chưa giải quyết xong. Hội Liên hiệp phụ nữ không có được hưởng lợi bất cứ lợi ích gì từ hợp đồng liên kết với Ngân hàng Đ. Ngân hàng không có xuống kết hợp với Hội liên hiệp phụ nữ xã để làm việc với chị H về việc thanh toán các khoản vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết phần án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là còn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo xác định của Hội liên hiệp phụ nữ xã T, Ngân hàng đã bỏ mặc việc thu hồi nợ vay. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay trong việc thu hồi nợ khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả tiền từ ngày 05/01/2019. Ngoài ra, tính đến ngày 10/4/2023, thời điểm Ngân hàng liên hệ chị H để thu hồi nợ vay nhưng chị H không thừa nhận nghĩa vụ trả tiền và ngân hàng đã khởi kiện vào ngày 20/3/2024 là đã quá thời hiệu 03 năm, kể từ ngày biết được hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy, đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là không phù hợp.

Nhưng xét, chị H trình bày đã trả xong tiền vay cho ngân hàng thông qua bà H2 và chị C. Tuy nhiên, chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh ngân hàng đã nhận tiền trả nợ vay của chị. Do vậy, ngân hàng có quyền yêu cầu đòi lại tài sản là tiền gốc đã cho vay mà không phụ thuộc vào thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155, Điều 166 của Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do điều chỉnh lại số tiền theo nghĩa vụ phải trả nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại, chị H phải chịu $10.686.311 \text{ đồng} \times 5\% = 535.000 \text{ đồng}$ (số tròn). Ngân hàng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận $(10.485.537 \text{ đồng} - 477.975 \text{ đồng}) \times 5\% = 548.000 \text{ đồng}$ (số tròn).

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần và sửa bản án sơ thẩm nên chị H là người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho chị Hằng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chị Trương Thị H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DSST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T.

Áp dụng các điều 463, 466, 429, 155, 166 của Bộ luật dân sự. Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) về việc yêu cầu chị Trương Thị H trả nợ vốn vay.

Buộc chị Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) số tiền 10.686.311 đồng (*mười triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm mười một đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) về việc yêu cầu chị Trương Thị H trả nợ lãi vay số tiền 10.963.512 đồng (*mười triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm mười hai đồng*).

3. Về án phí

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Thị H phải chịu 535.000 đồng (*năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) phải chịu 548.000 đồng (*năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 541.000 đồng

theo Biên lai số 0011222 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) còn phải nộp số tiền 7.000 đồng (*bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Trương Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trương Thị Hằng S tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011564 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Triệu Hữu